

Số: 01 /PA-TSXCD

Yên Trạch, ngày 15 tháng 9 năm 2023

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

**Thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023**

Nội dung: Nuôi bò lai Sind sinh sản tại xã Yên Trạch

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2022;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT- BLĐTBXH, ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND, ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND, ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình MTQG, giữa các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 25/2022/QĐ-HĐND, ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh quy định cơ chế quay vòng vốn một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND, ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Kế hoạch số 63/KH-UBND, ngày 03/3/2023 của UBND huyện Phú Lương về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023; Quyết định số 1863/QĐ-UBND, ngày 31/8/2023 của UBND huyện Phú Lương, về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023.

Căn cứ biên bản họp các hộ dân trực tiếp tham gia dự án và đề nghị của các hộ dân thuộc đối tượng thực hiện dự án trên địa bàn xã Yên Trạch.

Tổ sản xuất cộng đồng xã Yên Trạch xây dựng Phương án sản xuất thực hiện Dự án 2: “Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023, Nội dung: Nuôi bò lai Sind sinh sản tại xã Yên Trạch” như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Đại diện Tổ sản xuất:

- Người đại diện ông: Nguyễn Công Dương - Chức vụ: Tổ trưởng
- Số CCCD: 019074000867; Ngày cấp: 04/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ liên hệ: xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại: 0977205159

2. Sơ lược tình hình chung của tổ sản xuất cộng đồng:

Tổ sản xuất cộng đồng thành lập ngày 21/9/2023, gồm có 30 thành viên, trong đó:

+ Thành viên thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo trực tiếp thụ hưởng dự án là: 18 hộ.

+ Thành viên là người có uy tín, kinh nghiệm, làm kinh tế giỏi được thụ hưởng gián tiếp dự án là: 12 hộ.

Hiện tại Tổ sản xuất cộng đồng có 04 hộ đang nuôi 23 con bò; có 05 hộ đang nuôi 25 con trâu.

Danh sách thành viên tổ sản xuất cộng đồng:

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ (xóm)	Đối tượng				Số khẩu trong hộ	Số người trong độ tuổi lao động/ người có khả năng lao động
				Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Hộ khác (DTTS, người có uy tín, người có kinh nghiệm SX giỏi)		
I	HỘ TRỰC TIẾP THỤ HƯỞNG DỰ ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG							76	40
1	Nguyễn Thanh Công		Bài Kịnh	x				5	2
2	Ma Thị Xoan		Bài Kịnh		x			4	2
3	Hà Thị Hương		Bài Kịnh	x				3	1
4	Nguyễn Đình An		Na Mẫy	x				4	2
5	Triệu Văn Toàn		Na Mẫy	x				4	3
6	Nguyễn Đình Thùy		Na Mẫy	x				3	2
7	Nguyễn Văn Hải		Na Mẫy	x				4	2
8	Nguyễn Thành Trung		Na Mẫy	x				4	2
9	Tạ Thị Chung		Na Mẫy		x			4	3
10	Nguyễn Đình Ninh		Na Mẫy		x			4	2
11	Triệu Minh Tới		Na Mẫy	x				5	2
12	Triệu Văn Thiện		Na Mẫy	x				4	2
13	Ma Văn Thiều		Na Mẫy		x			5	3
14	Triệu Thị Linh		Na Pháng	x				2	1
15	Mông Văn Bắc		Bản Héo	x				6	3
16	Ma Văn Xem		Bản Héo	x				6	2
17	Nguyễn Công Boong		Khau Đu	x				5	2
18	Dương Thị Tấn		Đồng Quốc	x				4	4
II	NGƯỜI CÓ UY TÍN VÀ CÓ KINH NGHIỆM SẢN XUẤT GIỎI TẠI ĐỊA PHƯƠNG								
19	Nguyễn Công Dương		Na Mẫy				x		

20	Nguyễn Văn Hồng		Na Mẫy				x		
21	Lê Thị Thom		Bản Héo				x		
22	Nguyễn Công Duy		Bài Kịnh				x		
23	La Văn Ngọc		Đồng Quốc				x		
24	Thắm Văn Mạnh		Khau Đu				x		
25	Nguyễn Văn Lập		Na Pháng				x		
26	Ma Công Dân		Đồng Quốc				x		
27	Tạ Công Định		Bản Héo				x		
28	Nguyễn Thị Lực		Bài Kịnh				x		
29	Nguyễn Thanh Dương		Khau Đu				x		
30	Nguyễn Thị Nỡn		Na Mẫy				x		
	Cộng: 30 hộ			14	4	0	12	76	40

3. Tổng quan về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất cộng đồng

3.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên - xã hội

Yên Trạch là xã nằm ở phía Bắc huyện Phú Lương, có diện tích đất tự nhiên 3.001,2 ha, về dân số có 1.734 hộ với 7.126 khẩu, gồm có 6 dân tộc cùng sinh sống, phân bố ở 12 xóm (trong đó có 92% dân số là dân tộc thiểu số). Trong đó tổng số hộ nghèo là 361 hộ, cận nghèo 364 hộ. Thu nhập bình quân đầu người hiện nay tại địa phương là 39.000.000đ. Tỷ lệ người dân qua đào tạo đạt tỷ lệ 52%.

Về chăn nuôi: Tổng đàn trâu, bò của xã 774 con, đàn dê 500 con, đàn lợn 2.520 con, tổng đàn gia cầm khoảng 35.000 con; Diện tích nuôi trồng thủy sản của xã là 125 ha, sản lượng giao động từ 50 - 54 tấn/năm.

Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tập trung chỉ đạo vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác và xây dựng mô hình kinh tế. Tuy nhiên các hộ dân vẫn theo phương thức sản xuất truyền thống nên giá trị sản phẩm và năng suất các loại cây trồng, vật nuôi còn thấp, thiếu sức cạnh tranh trên thị trường và thiếu tính bền vững.

Xuất phát từ những lý do trên, UBND xã Yên Trạch huyện Phú Lương xây dựng dự án: “Nuôi bò lai sind sinh sản tại xã Yên Trạch” thuộc Dự án 2, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Phú

Lương năm 2023. Thông qua dự án, mô hình phát triển sản xuất sẽ góp phần thay đổi phong tục tập quán sản xuất, chăn nuôi lạc hậu, kém hiệu quả sang phương thức chăn nuôi tiến bộ, hiệu quả hơn. Từng bước nâng cao đời sống và thu nhập của người dân, giúp các hộ vươn lên thoát nghèo bền vững.

3.2. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản và sự cần thiết xây dựng Kế hoạch phát triển sản xuất cộng đồng.

Trong những năm gần đây việc phát triển kinh tế trên địa xã đã có những thành quả đáng kể, đời sống của người dân được cải thiện, cơ sở hạ tầng từng bước được củng cố. Tuy nhiên việc phát triển sản xuất trên địa bàn xã chủ yếu vẫn là tự cung tự cấp nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ. Sản xuất còn mang tính nhỏ lẻ, manh mún nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, sản phẩm hàng hóa còn ở mức thấp, giá trị hàng hóa chưa cao, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

Để góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo bền vững, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, sản xuất gắn với tập thể để hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau phát triển thì việc xây dựng Kế hoạch phát triển Tổ sản xuất cộng đồng là rất cần thiết.

4. Mục tiêu của dự án

4.1. Mục tiêu chung: Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo, hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

- Chuyển giao hỗ trợ 18 con bò cái giống cho 18 hộ nông dân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo đang sinh sống tại xã Yên Trạch chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt kết hợp chăn thả có quản lý.

- Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn 30 hộ tham gia mô hình biết cách chăm sóc nuôi dưỡng bò đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật để đàn bò sinh trưởng, phát triển tốt.

- Tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho 30 hộ gia đình, 77 khẩu, 40 người lao động, cải thiện đời sống của nhân dân. Tạo sự liên kết giữa người chăn nuôi và đơn vị bao tiêu sản phẩm, có sự giám sát từ khâu sản xuất và tiêu thụ, đảm bảo sản phẩm an toàn chất lượng theo hướng an toàn.

- Thay đổi nhận thức của người dân về phương thức chăn nuôi truyền thống do người nông dân tự chăn nuôi theo kinh nghiệm sẵn có, sử dụng thuốc chăn nuôi thú y không khoa học, tự phát, không an toàn, vệ sinh vật nuôi, chuồng trại không đúng gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường, sản phẩm không đáp ứng yêu cầu thị trường. Sang mô hình chăn nuôi bò lai sinh sản do gia đình sản xuất, phát triển quy mô nhằm nâng cao giá trị chăn nuôi thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe con người và tăng thu nhập bền vững cho người dân trên địa bàn xã Yên Trạch, huyện Phú Lương.

- Dự kiến kết quả đầu ra và số hộ thoát nghèo

Biểu dự kiến số lượng bò sau ba năm thực hiện dự án

Đơn vị: con

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Bò giống	18	18	18
Bê con		15	27
Tổng số		33	45

Nhận xét: Qua biểu trên cho thấy, từ 18 con bò giống được hỗ trợ ban đầu, sau 5 tháng sẽ lên giống. Tỷ lệ thụ thai ước đạt 85% (năm 2024), thì sau hơn 9 tháng bò chữa sẽ cho 15 con bê con. Năm 2025, tỷ lệ thụ thai ước đạt 65% thì số bê con tiếp tục tăng ước đạt 12 con. Vậy dự án sau 3 năm triển khai, dự kiến sẽ có tổng số là 45 con, trong đó đàn bê con sẽ là 27 con và số bò giống ban đầu 18 con.

- Giải quyết việc làm cho 18 lao động nông thôn; 18 hộ gia đình được cải thiện sinh kế, nâng cao chất lượng cuộc sống của đối tượng thụ hưởng, tăng thêm nguồn thu nhập góp phần thực hiện tốt chủ trương giảm nghèo, ổn định đời sống, an sinh xã hội trên địa bàn xã Yên Trạch.

- Thông qua việc triển khai thực hiện dự án sẽ giúp cho các hộ dân đặc biệt là hộ nghèo nâng cao năng lực sản xuất, được tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất hiệu quả, hạn chế được dịch bệnh, giảm chi phí đầu tư, mang lại nguồn thu nhập cao hơn cho các hộ gia đình góp phần giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Tạo công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao năng lực sản xuất góp phần giảm nghèo, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả.

- Số hộ thoát nghèo: Dự kiến 80% số hộ thuộc đối tượng thụ hưởng tham gia thực hiện dự án vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững, cụ thể có ít nhất 16 hộ nghèo sẽ vươn lên thoát nghèo, 4 hộ cận nghèo thoát cận nghèo và từng bước vươn lên khá giả. Kết thúc dự án còn 1-2 hộ nghèo hoặc cận nghèo.

5. Thời gian, địa điểm thực hiện

- Thời gian thực hiện: Thời gian triển khai thực hiện năm 2023; thời gian thực hiện dự án 2023-2026.

- Địa điểm thực hiện: Dự án triển khai tại 07/12 xóm của xã Yên Trạch.

6. Kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn

Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 536.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Trong đó:

6.1 Kinh phí đề nghị ngân sách Nhà nước hỗ trợ từ chương trình MTQG năm 2023: 500.000.000 đồng

+ Ngân sách Trung ương: 435.000.000 đồng.

+ Ngân sách địa phương: 64.000.000 đồng (Ngân sách tỉnh 32.000.000đ, ngân sách huyện 32.000.000đ).

6.2. Kinh phí đối ứng của các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng: 36.000.000 đồng.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CỦA PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Sản phẩm thực hiện: Hỗ trợ giống Bò lai sind sinh sản để tạo ra thế hệ con là con thương phẩm bán ra thị trường và nhân giống.

2. Quy mô thực hiện: Tổng số hộ tham gia dự án là 30 hộ, trong đó hỗ trợ giống vật nuôi là Bò lai sind sinh sản 18 con cho 18 hộ là đối tượng thụ hưởng trực tiếp của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; 12 hộ là hộ có kinh nghiệm sản xuất, chăn nuôi giỏi của xã, hộ có người có uy tín trên địa bàn.

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng

Chuyển giao con giống là bò cái lai Sind hậu bị cho các thành viên của Tổ chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy trình kỹ thuật và áp dụng biện pháp thụ tinh nhân tạo giống bò BBB hoặc lai sind để tạo ra thế hệ con lai có tầm vóc, trọng lượng, tỷ lệ thịt sẻ cao từ đó nâng cao giá trị kinh tế cho người chăn nuôi.

Thức ăn: Bổ sung thức ăn tinh cho 02 tháng đầu cho bò sử dụng các loại cám hỗn hợp, cám đậm đặc để phối trộn với các loại thức ăn sẵn có ở địa phương như cám gạo, ngô, cỏ và các loại rau xanh...

Kỹ thuật: Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các thành viên của Tổ tham gia thực hiện dự án về các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh, kỹ thuật trồng cỏ và chế biến, dự trữ thức ăn cho bò. Đồng thời cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các hộ thực hiện việc chăm sóc, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh đảm bảo cho đàn bò phát triển tốt.

4. Hình thức thực hiện

- Về tiêu chuẩn chất lượng con giống: con giống để thực hiện dự án cần đạt yêu cầu như sau:

+ Đẻ sớm và khoảng cách giữa hai lần đẻ ngắn: Bò cái đẻ lứa đầu trung bình ở khoảng từ 27 - 30 tháng tuổi (bò động dục lần đầu ở khoảng 18 đến 21 tháng tuổi. Khoảng cách giữa hai lần đẻ ngắn: tốt nhất là bò cái đẻ năm một, tức là cứ 12 – 14 tháng đẻ một con bê.

+ Tiêu chuẩn về ngoại hình: Có dáng thanh nhẹ, da mỏng, lông thưa, thuần tính, hiền lành, các phần đầu, cổ, thân và vai kết hợp hài hòa.

Đầu thanh nhẹ, mõm rộng, mũi to, hàm răng đều đặn, cổ dài vừa phải và thanh, da cổ có nhiều nếp nhăn.

Ngực sâu và rộng; xương sườn mở rộng, cong về phía sau, bụng to nhưng không sệ, bốn chân thẳng và mảnh, móng khít, móng nở, ít dốc.

Bầu vú phát triển về phía sau, 4 núm vú đều, dài vừa phải, không có vú kẹp, da vú mỏng, đàn hồi, tĩnh mạch vũ nổi rõ, phân nhánh ngoằn ngoèo.

- Đối với giống cỏ trồng làm thức ăn cho bò: Tổ trưởng chỉ đạo cho các hộ thành viên tham gia dự án tự chủ động mua giống cỏ về trồng theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn với diện tích 01 sào cỏ/con.

Ngoài ra các hộ thu gom rơm rạ, thân cây ngô để dự trữ thức ăn trong mùa đông rét đồng thời áp dụng các biện pháp ủ chua để bảo quản và tăng khả năng hấp thụ dinh dưỡng từ thức ăn cho bò.

- Đối với chuồng trại: các hộ phải có chuồng trại đảm bảo theo các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản đối với chuồng nuôi bò cái sinh sản là nền được cứng hóa, mái che chắc chắn, diện tích nền chuồng rộng từ 6 – 8m²/con, có hố phân và khu ủ phân, hoặc có thể tận dụng chuồng trại đã có để chăn nuôi.

- Đối với công tác tập huấn: UBND xã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện tổ chức tập huấn kỹ thuật về cách chăm sóc, phòng, trị bệnh cho bò sinh sản cho các hộ thực hiện Dự án và các hộ chăn nuôi bò lai sinh sản trên địa bàn xã. Dự kiến tổ chức 2 lớp, mỗi lớp 1 ngày, trong đó 1,5 ngày học lý thuyết, 0,5 ngày xuống hộ dân hiện đang chăn nuôi bò để học thực hành. Nội dung tập huấn do giảng viên có kinh nghiệm của Trung tâm DVNN huyện bố trí trên cơ sở nhu cầu thực tế của các thành viên trong tổ.

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia

5.1. Ủy ban nhân dân xã

Lựa chọn đơn vị cung cấp con giống đảm bảo các tiêu chuẩn về giống đảm bảo chất lượng tốt chuyên giao cho Tổ sản xuất cộng đồng.

Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh quyết toán theo hợp đồng ký kết đúng quy định.

Có trách nhiệm quản lý, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án đúng theo quy định.

Cử cán bộ chuyên môn tư vấn hướng dẫn và giúp đỡ thành viên tổ sản xuất cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án.

Có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có).

5.2. Tổ sản xuất cộng đồng:

Được nhận hỗ trợ từ Dự án theo các nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu quy trình kỹ thuật, các nội dung quy định của dự án.

Phải tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, học tập kỹ thuật chăn nuôi, phối hợp với các ban bộ chuyên môn trao đổi kinh nghiệm để chăn nuôi thành công.

Có trách nhiệm huy động nguồn lực lao động, vốn đối ứng, vốn quay vòng trong cộng đồng để thực hiện Dự án đạt hiệu quả cao.

Báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh, rủi ro về UBND xã để có biện pháp xử lý.

Sau khi mô hình kết thúc vẫn tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô trong những năm tiếp theo.

5.3. Tổ trưởng, tổ phó: Là người có kinh nghiệm trong chăn nuôi trâu bò, có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thành viên áp dụng các kiến thức khoa học kỹ thuật được tập huấn vào thực tiễn sản xuất và là cầu nối thông tin hai chiều giữa cơ quan quản lý và Tổ sản xuất cộng đồng, truyền tải và phản ánh kịp thời thông tin dự án giúp có các giải pháp phù hợp để thực hiện dự án đạt kết quả cao nhất.

6. Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm

Trong những năm qua, sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn xã Yên Trạch, chủ yếu theo phương pháp chăn thả truyền thống, đối với chăn nuôi bò chủ yếu bằng giống bò nội, có ưu điểm mất đẻ, dễ nuôi tuy nhiên bò nội có tầm vóc nhỏ, trọng lượng thấp khó áp dụng biện pháp cải tạo nguồn gen nên giá trị kinh tế không cao.

Khi Dự án triển khai con giống cái nền được chọn là giống bò lai sind hoặc Brahman đã được tuyển chọn kỹ đáp ứng các yêu cầu đối với con giống về ngoại hình và được tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin theo quy định, đây là giống có ưu điểm tầm vóc và trọng lượng lớn, có sức kháng bệnh tốt để áp dụng phối tinh nhân tạo với tinh giống bò BBB hoặc lai sind, cùng với kỹ thuật chăn nuôi mới là bổ sung cám, thức ăn ủ chua vào khẩu phần ăn cho bò, thường xuyên nắm bắt tình hình chăn nuôi, vệ sinh phòng dịch để tạo ra thể hệ con có trọng lượng lớn, tỷ lệ thịt sẻ cao sẽ đem lại giá trị kinh tế cao, hơn nữa hiện nay bò BBB đang rất được ưa chuộng và có thị trường tiêu thụ tốt.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 536.000.000đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm ba mươi sáu triệu đồng).

1. Chi tiết các nội dung, thời gian, kinh phí, tổng số tiền đề nghị hỗ trợ

TT	Các nội dung đề nghị hỗ trợ	Thời gian Thực hiện	Số tiền đề nghị hỗ trợ (đồng)
1	Hỗ trợ cán bộ khảo sát hộ dân tham gia dự án	Tháng 8/2023	1.500.000
2	Chi phí thẩm định	Tháng 9-10/2023	6.520.000
3	Hỗ trợ cán bộ Tổ	Tháng 10-12/2023	1.800.000
4	Chi văn phòng phẩm	Tháng 8-12/2023	1.930.000
5	Tập huấn khoa học kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh cho bò: Mở 2 lớp tập huấn cho 30 thành viên trong Tổ	Tháng 10/2023	11.800.000
6	Thăm quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh với 35 người tham gia (30 hộ dân và 5 cán bộ BQL xã)	Tháng 10/2023	11.650.000
7	Cấp giống bò cho các hộ tham gia	Tháng 10-11/2023	435.600.000
8	Chi tiền mua thức ăn dạng tinh	Tháng 10-11/2023	24.200.000
9	Chi hội nghị tổng kết đánh giá	Tháng 12/2023	4.900.000
	Tổng cộng đề nghị nhà nước hỗ trợ		500.000.000

(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn./.)

2. Kinh phí đối ứng của các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng:

STT	Các nội dung đối ứng của hộ dân	Số tiền quy đổi (đồng)
1	Thức ăn cám hổ hợp ngô, sắn, khoai, cám gạo...	27.000.000
2	Tinh đông lạnh phối giống và công phối	9.000.000
Các hạng mục người dân tự đảm bảo và sử dụng nguồn nội lực của gia đình để chăn nuôi dê hiệu quả		
3	Công lao động chăn nuôi bò	
4	Chuồng trại (khái toán)	
5	Cám ngô, gạo, sắn... do hộ dân tự cung tự cấp	
6	Diện tích đất trồng cỏ và chi phí trồng cỏ, ủ cỏ cho bò	
7	Vắc xin phòng bệnh	
8	Chế phẩm xử lý chuồng trại	
9	Chi phí khác (thuốc bệnh, táng đá liếm...)	
Tổng cộng hộ dân đối ứng quy đổi ra tiền mặt		36.000.000

(Bảng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng chẵn./.)

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả đạt được theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc dự án; trách nhiệm của cơ quan đơn vị phối hợp

Dự kiến sau 3 năm thực hiện dự án với quy mô nuôi 18 con bò cái sinh sản được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và áp dụng phương pháp phối tinh bò BBB, sẽ cung cấp ra thị trường khoảng 27 con bò con có chất lượng tốt, tầm vóc và trọng lượng lớn, góp phần cung ứng giống đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi. Mỗi bò con nuôi khoảng 8-10 tháng tuổi có giá từ 18-20 triệu đồng/con thì thu nhập của người tham gia dự án 36 tháng sẽ đạt là 540 triệu đồng, như vậy mỗi năm sẽ cho thu nhập/hộ là 30 triệu đồng. Tuy nhiên đối với chăn nuôi bò khi trồng được cỏ người chăn nuôi không phải bỏ cả ngày công để thực hiện chăn dắt mà chỉ tranh thủ lấy cỏ cho bò ăn, dọn dẹp vệ sinh, thả bò vận động, do đó ngoài thời gian chăm sóc bò người dân vẫn có thể kết hợp làm các công việc khác để tiết kiệm công lao động, tăng thêm thu nhập, tạo việc làm góp phần giảm nghèo bền vững.

2. Hiệu quả mặt xã hội, kinh tế, môi trường

2.1. Hiệu quả xã hội:

Thực hiện hỗ trợ sản xuất sẽ giúp cho các Tổ sản xuất cộng đồng từng bước tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Dự án được thực hiện nhằm tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, sẽ góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội và hướng đến nâng cao những tiêu chí về NTM, là cơ sở để chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, ngoài việc phát triển chăn nuôi còn góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Ngoài ra qua quá trình thực hiện dự án sẽ giúp tạo việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững.

2.2. Hiệu quả kinh tế:

Dự án giúp cho các hộ là thành viên Tổ sản xuất cộng đồng tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống.

Bò mẹ được duy trì chăn nuôi là nguồn vốn cơ sở cho phát triển sản xuất. Ngoài ra chăn nuôi bò còn là cung cấp nguồn phân bón hữu cơ cho sản xuất nông nghiệp.

2.3. Về môi trường: Các hộ thực hiện dự án trước khi được cấp con giống sẽ tiến hành chuẩn bị chuồng trại theo các yêu cầu, nền cứng hóa, mái che chắc chắn, có hố phân, rãnh thoát nước thải. Hàng ngày chuồng trại được thu dọn sạch sẽ. Phân bò được xử lý bằng các phương pháp như ủ phân sinh học hoặc nuôi giun/trùn quế do đó đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây ô nhiễm.

3. Hình thức luân chuyển, tỷ lệ quay vòng và thời gian thu hồi kinh phí quay vòng

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

- Tỷ lệ quay vòng: Sau khi dự án kết thúc (*không quá 30 tháng kể từ ngày chuyển giao con giống*) các thành viên của Tổ sản xuất cộng đồng có trách nhiệm nộp lại 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ con giống bò (*do đơn vị xã Yên Trạch thuộc xã đặc biệt khó khăn*) về Ban quản lý dự án cấp xã, để tạo ra nguồn vốn quay vòng tiếp tục hỗ trợ cho các hộ khác trong diện hỗ trợ mua con giống phát triển chăn nuôi.

- Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc chu kỳ nuôi bò sinh sản (*không quá 33 tháng kể từ ngày chuyển giao con giống*).

- Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (*như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác*) dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, người có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định

việc thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án, phương án và tạm dừng quay vòng, thu hồi kinh phí theo thẩm quyền.

- Gia hạn thời gian thu hồi đối với đối tượng tham gia dự án: Thực hiện theo khoản 6 Điều 4 Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

V. CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của dự án theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong thời gian thực hiện dự án không mua bán, cho tặng con giống đã được hỗ trợ. Đối với các trường hợp cụ thể phải báo cáo xin ý kiến UBND xã để có kịp thời giải quyết.

Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng đúng theo quy trình kỹ thuật được hướng dẫn.

Phối hợp với cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý dự án trong việc quản lý con giống, vật tư được hỗ trợ.

Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin cho ban quản lý dự án.

Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

Sau khi kết thúc dự án (không quá 30 tháng kể từ ngày chuyển giao con giống) sẽ nộp đủ số vốn quay vòng luân chuyển trong cộng đồng theo quy định để nhân rộng mô hình.

Nếu có vi phạm, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

IV. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch tiến độ thực hiện dự án

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	UBND huyện triển khai dự án đến xã thông qua Hội nông dân huyện	Tháng 3,4/2023
2	Thành lập Tổ SXCD, lựa chọn nội dung thực hiện dự án	Tháng 8,9/2023
3	Tổ SXCD xây dựng Phương án trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt	Tháng 9/2023
4	Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ	Tháng 9-10 /2023

5	Chuyển giao con giống cho thành viên tổ SXCD	Tháng 10-11/2023
6	Kiểm tra nghiệm thu, bàn giao đánh giá kết quả thực hiện dự án.	Tháng 11-12/2023
7	Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh cho bò theo hướng dẫn.	Từ tháng 10-11/2023 đến tháng 10-11/2026
8	Họp thống nhất và thu hồi vốn quay vòng theo quy định (Sau 30 tháng kể từ ngày giao con giống)	Tháng 7/2026

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân xã:

Trực tiếp là ban quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Báo cáo kết quả thực hiện với các cơ quan chức năng và UBND huyện, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện dự án, quản lý và thanh toán theo quy định, đồng thời cử cán bộ phụ trách từng xóm trực tiếp chỉ đạo các hộ thực hiện.

Thực hiện ký hợp đồng với đại diện Tổ sản xuất cộng đồng để thực hiện việc chuyển giao con giống và các nội dung hỗ trợ theo quy định của nhà nước.

2.2. Đối với các xóm:

Tổ chức bình xét các hộ tham gia thực hiện Dự án có hiệu quả, dân chủ, công khai, minh bạch.

Phối hợp với Tổ cộng đồng trong việc giám sát và quản lý nguồn vốn hỗ trợ.

Tuyên truyền cho người dân hiểu rõ về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, động viên các hộ phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững.

2.3. Đối với tổ sản xuất cộng đồng:

Cam kết thực hiện đúng các nội dung Dự án đưa ra, không tự ý mua bán, trao đổi vật nuôi được nhà nước hỗ trợ trong thời gian quy định khi chưa có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi được hướng dẫn, theo dõi và thông tin kịp thời cho tổ trưởng Tổ sản xuất cộng đồng khi có vấn đề phát sinh. Hợp tác với cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý dự án trong việc chăm sóc, quản lý con giống theo nội dung đã cam kết.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ

Trong thời gian thực hiện dự án hộ tham gia dự án có thể gặp phải một số rủi ro như: Bò chết do thiên tai, dịch bệnh ... hoặc trường hợp bò không sinh sản, bò không tăng trưởng. Tổ sản xuất kiến nghị được mua bán thay thế bò giống. Tùy vào từng trường hợp thiệt hại để đề xuất được miễn giảm thu hồi vốn quay vòng đối với hộ gặp rủi ro này để đảm bảo tính nhân văn, bền vững của dự án.


Trên đây là đề xuất dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023, nội dung: Nuôi bò lai Sind sinh sản tại xã Yên Trạch của Tổ sản xuất cộng đồng. Đề nghị UBND xã xem xét trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự án theo quy định./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ YÊN TRẠCH

ĐẠI DIỆN TỔ SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Biểu


Nguyễn Công Dương



PAINT OMDI

Handwritten text, possibly a signature or date.

